

Số: 05/BB-UBND

An Hòa Thịnh, ngày 16 tháng 10 năm 2021

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai số liệu thu, chi ngân sách xã quý 3 năm 2021**

**I. Thời gian:** ngày 16 tháng 10 năm 2021

**II. Địa điểm:** Tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh

**III. Thành phần:** Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 19 thôn.

**IV. Nội dung**

1. Ông Nguyễn Hữu Đông - Chủ tịch UBND xã thông qua Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

2. Thông báo các nội dung công khai:

Công khai số liệu thu, chi ngân sách xã quý 3 năm 2021

3. Hình thức công khai:

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 19 thôn.

- Niêm yết tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh, nhà văn hoá xã và nhà văn hóa thôn.

4. Địa điểm, thời gian niêm yết.

- Niêm yết tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh, nhà văn hoá xã và nhà văn hóa thôn.

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 16/10/2021 đến ngày 25/10/2021

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, 19 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản được thông qua vào 10h15 phút cùng ngày và các thành viên nhất trí 100%.

**Thư ký**

**Nguyễn Thị Lam**

**Chủ tịch**

**Nguyễn Hữu Đông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ AN HÒA THỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 165/QĐ-UBND

An Hòa Thịnh, ngày 15 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố, công khai tình hình thực hiện ngân sách xã quý 3 năm 2021  
của xã An Hòa Thịnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN HÒA THỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 7621/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 xã An Hòa Thịnh;

Căn cứ Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 28/12/2020 của Hội đồng nhân dân xã An Hòa Thịnh về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND xã An Hòa Thịnh về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng ban tài chính ngân sách xã;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công bố, công khai số liệu thực hiện ngân sách xã quý 3 năm 2021 của xã An Hòa Thịnh,

(Có bảng cân đối ngân sách quý 3 chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã An Hòa Thịnh, Ban tài chính tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Hữu Đông**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2021

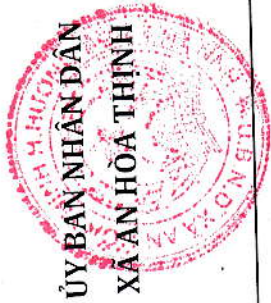
ĐVT: Đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>12.672.000.000</b>	<b>1.554.146.242</b>	<b>0.12</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	140.000.000	18.820.887	0.13
2	Các khoản thu xã hưởng theo tỷ lệ (1)	889.000.000	53.989.355	0.06
3	Thu bổ sung	11.643.000.000	1.481.336.000	0.13
	- Thu bổ sung cân đối	11.643.000.000	801.536.000	0.07
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	679.800.000	
4	Thu chuyển nguồn	0		
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>12.672.000.000</b>	<b>3.635.903.500</b>	<b>0.29</b>
1	Chi đầu tư phát triển	753.000.000	1.394.587.000	1.85
2	Chi thường xuyên	11.689.000.000	2.241.316.500	0.19
4	Dự phòng	230.000.000		0.00

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2021

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán			Ước thực hiện quý 3			So sánh (%)		
		Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>12.672.000.000</b>	<b>753.000.000</b>	<b>11.919.000.000</b>	<b>3.635.903.500</b>	<b>1.394.587.000</b>	<b>2.241.316.500</b>	<b>716.99</b>	<b>185.20</b>	<b>531.79</b>
	Trong đó:									
1	Chi sự nghiệp Quốc phòng	712.500.000		712.500.000	93.603.000		93.603.000	13.14		13.14
2	Chi trật tự an toàn xã hội	199.860.000		199.860.000	56.815.000		56.815.000	28.43		28.43
3	Chi giáo dục:	10.000.000		10.000.000	652.747.000			6.527.47		
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
5	Chi y tế	106.916.000		106.916.000	97.449.000		97.449.000	91.15		91.15
6	Chi văn hóa, thông tin	20.000.000		20.000.000						
7	Chi phát thanh, truyền thanh	5.000.000		5.000.000						
8	Chi thể dục thể thao	50.000.000		50.000.000						
9	Chi bảo vệ môi trường	100.000.000		100.000.000						
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.053.000.000	753.000.000	300.000.000	1.036.517.000	741.840.000	294.677.000	196.74	98.52	98.23
11	Chi hoạt động của cơ quan Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.481.408.000		7.481.408.000	1.597.395.500		1.597.395.500	21.35		21.35
12	Chi cho công tác xã hội	671.016.000		671.016.000	101.377.000		101.377.000	15.11		15.11
13	Chi khác	2.032.300.000		2.032.300.000						
14	Dự phòng ngân sách	230.000.000		230.000.000						





**UBND XÃ AN HOÀ THỊNH**

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2021**

Biểu số 114/CKTC-NSNN

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH(%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5=3/1	THU NSX 6=4/2	THU NSNN	THU NSX
A	B								
	<b>TỔNG THU</b>	13 542 000 000	12 672 000 000	1 571 476 327	1 554 146 242	11,6	45,01		
I	<b>Các khoản thu 100%</b>	140 000 000	140 000 000	18 915 545	18 820 887	13,51	12,58		
1	Phí, lệ phí	70 000 000	70 000 000	7 000 000	7 000 000	10,0	11,14		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi cộng sản khác	30 000 000	30 000 000	8 000 000	8 000 000	26,67	26,67		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt và tịch thu khác theo quy định	20 000 000	20 000 000	3 915 545	3 820 887	19,58	19,1		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	20 000 000	20 000 000						
II	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm(%)</b>	1 759 000 000	889 000 000	71 224 782	53 989 355	68,6	68,6		
1	Các khoản thu phân chia	70 000 000	70 000 000	3 952 710	3 952 710	5,65	5,65		
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	70 000 000	70 000 000	3 952 710	3 952 710	5,65	5,65		
1.4	Lệ phí trước bạ, nhà đất								
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1 689 000 000	819 000 000	67 272 072	50 036 645	3,98	6,11		
2.1	Thu tiên sử dụng đất	1 500 000 000	750 000 000	18 000 000	9 000 000	1,2	1,2		
2.2	Thu tiên mặt đất, mặt nước	11 000 000	3 000 000	30 132 287	30 132 287	273,93	1004,41		
2.3	Thuế GTGT-TNDN	178 000 000	66 000 000	19 139 785	10 904 358	10,7	16,5		

2.4	Các khoản thu phân chia khác								
<b>III</b>	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
<b>IV</b>	Thu chuyển nguồn								
<b>V</b>	Thu kết dư ngân sách năm trước								
<b>VI</b>	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11 643 000 000	11 643 000 000	11 643 000 000	1 481 336 000	1 481 336 000	12,72	12,72	12,72
1	Thu bổ sung cân đối	11 643 000 000	11 643 000 000	11 643 000 000	801 536 000	801 536 000	6,88	6,88	6,88
2	Thu bổ sung có mục tiêu				679 800 000	679 800 000			